

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 156/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2024
V/v tranh chấp “Ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Bích Thiên**

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông **Phạm Văn Năm**
- Ông **Phan Văn Duy**

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 24/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 85/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Trương Thị B**, sinh năm 1993. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp C, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hải Đ**, sinh năm 1990. (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CM, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn ngày 20/12/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị **Trương Thị B** trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Đ tự nguyện chung sống vợ chồng và Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G vào tháng 12/2020 sau thời gian tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Vợ chồng chị dự định sẽ tổ chức lễ cưới nhưng sau đó anh Đ bị bắt giam về tội mua bán trái phép chất ma túy vào năm 2021 và hiện đang chấp hành hình phạt tù với thời hạn 20 năm tại Trại giam P (huyện TP, tỉnh Tiền Giang). Có lần khi chị vào thăm anh Đ thì anh có kêu chị viết đơn ly hôn rồi anh ký. Dù vợ chồng không có mâu thuẫn gì nhưng với những lý do trên và anh Đ cũng đồng ý ly hôn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Hải Đ** trình bày: Anh đồng ý ly hôn với chị **Trương Thị B**. Anh chị chung sống không có con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh không có yêu cầu gì trong vụ án này và xin vắng mặt trong quá

trình giải quyết vụ án do hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam Phước Hòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là tranh chấp “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn và bị đơn đều xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị B, nhận thấy: Anh Đ và chị B kết hôn năm 2020, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và Đ ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G theo Giấy chứng nhận kết hôn số 112 ngày 22/12/2020 nên là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị thống nhất thuận tình ly hôn với nguyên nhân như anh chị trình bày trên nên ghi nhận theo quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Anh chị xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị B yêu cầu xin ly hôn nên phải chịu án phí là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: - Điều 51, Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn của giữa chị Trương Thị B và anh Nguyễn Hải Đ.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị B phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0013168 ngày 17/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G nên xem như chị đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TG;
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã T, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Bích Thiên